

8. Thực hiện việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản. Đại diện cho ngành Địa chất và khoáng sản Việt Nam tham gia các hoạt động quốc tế trong lĩnh vực hợp tác khoa học công nghệ về địa chất và khoáng sản.

9. Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về điều tra cơ bản về địa chất và hoạt động khoáng sản.

Tham gia giải quyết hoặc giải quyết theo thẩm quyền các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra cơ bản về địa chất - khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

10. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các ngành, địa phương, cơ sở và công dân thực hiện pháp luật về địa chất và khoáng sản. Phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật và chính quyền địa phương trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

11. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính, tài sản Nhà nước giao; quản lý các công trình đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định pháp luật và phân công của Bộ.

12. Quản lý tổ chức, biên chế và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công nhân trong ngành.

Điều 3.- Cơ cấu tổ chức Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam gồm:

1. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam do Cục trưởng lãnh đạo và một số Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng. Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về toàn bộ hoạt động của Cục. Các Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về lĩnh vực được Cục trưởng phân công.

Cục trưởng, các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp bổ nhiệm.

2. Bộ máy giúp việc Cục trưởng gồm có:

a) Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định cụ thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc Cục.

b) Các đơn vị sự nghiệp.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp thống nhất với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ quyết định cụ thể các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hiện có.

3. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp xem xét quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác quy định về thành lập, tách, nhập, giải thể doanh nghiệp nhà nước.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Bãi bỏ việc thành lập Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản và Cục Địa chất Việt Nam nói trong Khoản d, mục 1, Điều 3 của Nghị định số 74-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp.

Điều 5.- Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 80-CP ngày 5-12-1996 quy định tổ chức và hoạt động của Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 2 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Để thực hiện các Nghị định của Chính phủ số 36-CP ngày 29-5-1995 về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, số 49-CP ngày 26-7-1995 quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, số 39-CP ngày 5-7-1996 về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt, số 40-CP ngày 5-7-1996 về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (gọi tắt là Thanh tra giao thông).

Điều 2.- Thanh tra giao thông thực hiện chức năng thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông vận tải, xử lý các vi phạm hành chính về bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

Điều 3.- Tổ chức Thanh tra giao thông có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Kinh phí hoạt động của Thanh tra giao thông do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định của Chính phủ.

Điều 4.- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Thanh tra giao thông trong phạm vi cả nước.

Điều 5.- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các cấp, lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm hỗ trợ hoạt động của Thanh tra giao thông.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
THANH TRA GIAO THÔNG

Điều 6.- Hệ thống tổ chức Thanh tra giao thông.

1. Thanh tra giao thông trực thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa bao gồm:

- Ban Thanh tra giao thông đường bộ;
- Ban Thanh tra giao thông đường sắt;
- Ban Thanh tra giao thông đường thủy nội địa.

2. Ban Thanh tra giao thông trực thuộc các Sở Giao thông vận tải (Sở Giao thông công chính) do

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

Bộ Giao thông vận tải và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ thống nhất hướng dẫn về tổ chức và biên chế Thanh tra giao thông các cấp.

Điều 7.-

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban Thanh tra giao thông thuộc các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban Thanh tra giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải (Sở Giao thông công chính).

Điều 8.- Thanh tra giao thông có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông vận tải, phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan để thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm hành chính về bảo vệ công trình giao thông và vi phạm trật tự an toàn giao thông vận tải.

3. Thanh tra, xử lý việc cấp phép, đưa ra sử dụng các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

4. Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm thể lệ vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

5. Lập biên bản các vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và trật tự an toàn giao thông vận tải, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ các hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và trật tự an toàn giao thông vận tải theo thẩm quyền.

6. Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và chức danh của Thanh tra giao thông chuyên ngành đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

Điều 9.- Tiêu chuẩn của Thanh tra viên giao thông:

1. Có phẩm chất chính trị tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh, khách quan, có sức khỏe tốt;

2. Có trình độ kỹ thuật chuyên ngành, có kiến thức về luật lệ giao thông vận tải và kiến thức pháp lý.

Điều 10.- Thanh tra giao thông được trang cấp: phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục và các phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, màu sắc trang phục của Thanh tra giao thông theo từng chuyên ngành và chế độ sử dụng trang phục.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 11.- Thanh tra viên giao thông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 12.- Thanh tra viên giao thông khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi sách nhiễu, không khách quan, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13.- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi của Thanh tra giao thông phải tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về khiếu nại và tố cáo.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 15.- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Nghị định này.

Điều 16.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 81-CP ngày 6-12-1996 về việc đổi tên huyện Thanh Hưng thuộc tỉnh Đồng Tháp thành huyện Lấp Vò.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay đổi tên huyện Thanh Hưng thuộc tỉnh Đồng Tháp thành huyện Lấp Vò.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 82-CP ngày 13-12-1996 về ban hành Danh mục hàng hóa của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 1997.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;